TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 8 - 2022.
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tấn Hưng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Sâm Châu.

Ông Phạm Văn Huynh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 373/2023/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023 về "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 180/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Lam, sinh năm 1961 (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân L, sinh năm 1961 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 21, ấp ĐM, xã LP, huyện LT, tỉnh ĐN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ltrình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Xuân L chung sống với nhau từ năm 1986, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TrA, thị xã VA, tỉnh ĐN.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống không hạnh phúc thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm phát sinh cãi vã. Nay bà xác định vợ chồng không còn thương yêu nhau, mục đích

hôn nhân không đạt được, mặc dù đã cố gắng để tiếp tục chung sống nhưng không được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Xuân L.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Xuân H, sinh năm 1989, Nguyễn Anh T, sinh năm 1991 và Nguyễn Thị Nh, sinh năm 2000.

Về tài sản chung : Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn ông Nguyễn Xuân L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong việc xác định thẩm quyền, thu thập chứng cứ và tiến hành tố tụng đúng quy định. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn được đảm bảo quyền lợi và chấp hành pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Lđối với ông Nguyễn Xuân L.

- Về con chung: : Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Xuân H, sinh năm 1989, Nguyễn Anh T, sinh năm 1991 và Nguyễn Thị Nh, sinh năm 2000. Các con đã thành niên.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Xuân L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; xử vắng mặt bị đơn anh L.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét hôn nhân giữa bà Lvà ông L xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 21/11/1986 tại UBND phường Trị An, thị xã Vĩnh An, tỉnh Đồng Nai nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Quá trình giải quyết tại Tòa án ông L không đến Tòa để hòa giải đoàn tụ chứng tỏ ông L không quan tâm đến vợ con, mục đích hôn

nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân và gia đình xử cho bà Lđược ly hôn với ông L.

[2.2] Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Xuân H, sinh năm 1989, Nguyễn Anh T, sinh năm 1991 và Nguyễn Thị Nh, sinh năm 2000. Các con đã thành niên.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

[2.5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Lcó đơn đề nghị miễn, giảm tiền án phí do là người cao tuổi. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án *"Trẻ em, cá nhân thuộc hộ nghèo, cận nghèo, người cao tuổi…"* và Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009 quy định *"Người cao tuổi quy định trong luật này là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên"*. Đối với trường hợp bà Nguyễn Thị Lam, sinh năm 1961 đến nay là trên 60 tuổi. Như vậy, bà Nguyễn Thị Lthuộc trường hợp được miễn chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lđối với bị đơn ông Nguyễn Xuân L về việc "Tranh chấp ly hôn".

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Lđược ly hôn với ông Nguyễn Xuân L.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Lcó đơn đề nghị miễn, giảm tiền án phí do là người cao tuổi. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án *"Trẻ em, cá nhân thuộc hộ nghèo, cận nghèo, người cao tuổi…"* và Điều 2

Luật người cao tuổi năm 2009 quy định *"Người cao tuổi quy định trong luật này là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên"*. Đối với trường hợp bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1961 đến nay là trên 60 tuổi. Như vậy, bà Nguyễn Thị L thuộc trường hợp được miễn chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Bà Lcó quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, BP, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Tấn Hưng